

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 192/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2025
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang

Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Đ thành hôn với nhau năm 2008, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã C). Trong thời gian chung sống bà T và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc nên sống ly thân tháng 02 năm 2025 đến nay. Bà T và ông Đ không thể đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn. Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Đ có 02 con chung tên Huỳnh Văn Đ1, sinh ngày 10/12/2010; Huỳnh Thiên K, sinh ngày 07/12/2019 chị T đang nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn Đ trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Huỳnh Văn Đ nhưng vẫn vắng mặt và

không gởi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ có nơi cư trú tại xã P, nguyên đơn bà T khởi kiện xin ly hôn với ông Đ nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai đối với ông Đ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Đ thành hôn với nhau năm 2008, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã C). Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/11/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn C Vàm cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Đ được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trong thời gian chung sống bà T và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc nên sống ly thân tháng 2 năm 2025 đến nay, bà yêu cầu được ly hôn. Đối với bị đơn trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn Đ có 02 con chung tên Huỳnh Văn Đ1, sinh ngày 10/12/2010; Huỳnh Thiên K, sinh ngày 07/12/2019 chỉ T đang nuôi dưỡng. Chỉ T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy tại bản tự khai ngày 06/5/2025 thể hiện nguyện vọng của Huỳnh Văn Đ1 là sống với mẹ, đối với Huỳnh Thiên K hiện nay còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của bà T. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Huỳnh Văn Đ1, sinh ngày 10/12/2010; Huỳnh Thiên K, sinh ngày 07/12/2019 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T, bà T được ly hôn với ông Huỳnh Văn Đ.

Về con chung: Giao Huỳnh Văn Đ1, sinh ngày 10/12/2010; Huỳnh Thiên K, sinh ngày 07/12/2019 cho bà T nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, ông Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, bà T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004102 ngày 09/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là Thi hành án dân sự tỉnh C), chuyển thu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân

